

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 53/2022/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 35/TTr-VPUBND ngày 16 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện; thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2023./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2022/QĐ-UBND
Ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Hệ thống thông tin báo cáo); quy định về nguyên tắc và trách nhiệm tổng hợp số liệu báo cáo, nhập số liệu báo cáo và cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin báo cáo.

2. Quy chế này không áp dụng đối với báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê, chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và chế độ báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk.
2. Các cơ quan ngành dọc Trung ương trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan tham gia hoạt động quản lý, vận hành, kết nối, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo để thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất về các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh và theo yêu cầu quản lý nhà nước.

3. Cán bộ, công chức, viên chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh là hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo từ các sở, ban, ngành, địa phương để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Báo cáo là một loại văn bản hành chính (gồm văn bản giấy và văn bản điện tử) của cơ quan, tổ chức, cá nhân để thể hiện tình hình, kết quả thực hiện công việc nhằm giúp cho cơ quan, người có thẩm quyền có thông tin phục vụ việc phân tích, đánh giá, điều hành và ban hành các quyết định quản lý phù hợp.

3. Chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước là những yêu cầu cụ thể về việc thực hiện báo cáo do cơ quan, người có thẩm quyền trong hệ thống hành chính nhà nước ban hành và bắt buộc các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan phải thực hiện.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo là khoảng thời gian tính từ thời điểm bắt đầu lấy số liệu của kỳ báo cáo đến thời điểm kết thúc việc lấy số liệu để thực hiện việc xây dựng báo cáo.

5. Giao diện số (Dashboard) hiển thị thông tin các chỉ tiêu là một bảng điều khiển kỹ thuật số được dùng để thu thập và tổng hợp dữ liệu của toàn bộ cơ quan, đơn vị dưới dạng các chỉ số, các thông tin đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo

1. Việc quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo phải tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, quản lý thông tin trên môi trường mạng.

2. Hệ thống thông tin báo cáo phải đảm bảo:

a) Liên thông, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và có khả năng tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành Trung ương.

b) An toàn thông tin và vận hành liên tục 24 giờ trong tất cả các ngày trong tuần.

c) Các số liệu báo cáo phải đồng bộ, thống nhất giữa các ngành về khái niệm, phương pháp tính và đơn vị tính để bảo đảm thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.

d) Thông tin nhận vào Hệ thống thông tin báo cáo sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001. Các văn bản dùng hệ phông chữ khác với Unicode, phải được chuyển đổi sang định dạng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 trước khi tải lên Hệ thống.

e) Cán bộ, công chức, viên chức quản trị, khai thác Hệ thống được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cấp tài khoản truy cập và được phân quyền chức năng sử dụng, phân quyền khai thác dữ liệu theo quy định.

Điều 5. Các hành vi bị cấm

1. Cản trở hoặc ngăn cản trái phép quá trình truyền, gửi, nhận thông điệp dữ liệu báo cáo.

2. Thay đổi, xóa, hủy, giả mạo, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ thông điệp dữ liệu báo cáo.

3. Tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hạ tầng công nghệ thông tin của Hệ thống thông tin báo cáo.

4. Sử dụng số liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo vào mục đích cá nhân mà không được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trừ các dữ liệu đã được công khai trên Hệ thống thông tin báo cáo.

5. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, SỬ DỤNG HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO TỈNH ĐẮK LẮK

Điều 6. Hệ thống thông tin báo cáo

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk được truy cập tại địa chỉ <http://baocao.daklak.gov.vn>

2. Hệ thống thông tin báo cáo đáp ứng các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 7. Bảo đảm năng lực hạ tầng kỹ thuật, công nghệ cho Hệ thống thông tin báo cáo

1. Hệ thống thông tin báo cáo được bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ để vận hành, khai thác, sử dụng trong phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, thuận lợi; đáp ứng yêu cầu về tốc độ xử lý, truyền tải thông tin, dữ liệu điện tử.

2. Kinh phí quản lý, vận hành, duy trì, nâng cấp, hoàn thiện nền tảng phần mềm, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ cho Hệ thống thông tin báo cáo được bảo đảm từ nguồn ngân sách tỉnh. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 8. Tổ chức quản lý, vận hành

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đầu mối quản lý kỹ thuật, quản trị phần mềm, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ liên quan Hệ thống thông tin báo cáo:

1. Tổ chức quản lý, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo, duy trì hoạt động ổn định, thông suốt, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai ứng dụng Hệ thống thông tin báo cáo; tập huấn, hướng dẫn sử dụng Hệ thống khi có yêu cầu, chuyển giao quyền quản trị hệ thống phù hợp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai các chế độ báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh giao và báo cáo quản lý nhà nước chuyên ngành; tiếp nhận thông tin phản ánh và phối hợp, hỗ trợ xử lý các sự cố phát sinh trên hệ thống.

Điều 9. Tổ chức khai thác, sử dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) Phân công nhiệm vụ, cụ thể hóa trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trực thuộc trong việc quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo trong quá trình thực hiện các chế độ báo cáo theo Quy chế này.

b) Bố trí bộ phận hoặc cử tối thiểu 01 (một) nhân sự để quản trị Hệ thống thông tin báo cáo theo phân cấp, phân quyền và làm đầu mối phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng.

c) Bảo đảm các điều kiện hạ tầng kết nối mạng, máy tính và các thiết bị liên quan phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo; xây dựng, triển khai các phương án, biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng tại cơ quan, đơn vị.

2. Bộ phận, người quản trị Hệ thống thông tin báo cáo của cơ quan, đơn vị:

a) Đề xuất với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị việc khởi tạo, thu hồi, sửa đổi tài khoản và phân quyền cho người được giao quản trị tài khoản của đơn vị, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tại cơ quan, đơn vị; chủ trì việc quản trị hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình trên Hệ thống thông tin báo cáo và đề xuất, tham mưu, tổ chức thực hiện cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

b) Hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của cơ quan, đơn vị khai thác Hệ thống thông tin báo cáo; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, sửa chữa phần mềm hệ thống và xử lý, khắc phục hậu quả sự cố xảy ra (nếu có).

3. Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của cơ quan, đơn vị và cá nhân tham gia khai thác Hệ thống thông tin báo cáo:

a) Thực hiện nghiêm các quy định của Quy chế này và phân công nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị về quản lý, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo.

b) Tự quản lý tài khoản, bảo vệ mật khẩu tài khoản cá nhân, không sử dụng tài khoản của người khác và không để người khác sử dụng tài khoản của mình trên Hệ thống thông tin báo cáo; trường hợp mất mật khẩu phải kịp thời báo cáo, đề nghị người quản trị Hệ thống thông tin báo cáo của cơ quan, đơn vị tổng hợp thông tin và gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp lại.

c) Chủ động theo dõi, xử lý các yêu cầu thực hiện báo cáo hoặc tiếp nhận, tổng hợp thông tin báo cáo được phân công; chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, dữ liệu trao đổi, cung cấp, báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo bằng tài khoản cá nhân của mình.

d) Kịp thời thông báo, phối hợp với bộ phận, người quản trị Hệ thống thông tin báo cáo của cơ quan, đơn vị hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo.

Điều 10. Phân quyền tài khoản được cấp

1. Quyền của tài khoản quản trị hệ thống và tổng hợp: sử dụng để cấu hình, quản trị, vận hành phần mềm, theo dõi các tiến trình xử lý dữ liệu của hệ thống, theo dõi kết quả đối soát, kiểm tra dữ liệu đối soát giữa Hệ thống thông tin báo cáo và các hệ thống nguồn khác bao gồm:

a) Quản lý chỉ tiêu của đơn vị.

b) Tạo biểu mẫu nhập liệu, phân tài khoản nhập liệu, duyệt số liệu.

c) Tạo biểu mẫu báo cáo, phân tài khoản tạo báo cáo, duyệt báo cáo, theo dõi làm báo cáo.

d) Phân công tài khoản tiếp nhận các báo cáo do cơ quan, đơn vị khác gửi đến.

e) Tạo giao diện số (Dashboard) hiển thị thông tin các chỉ tiêu của đơn vị.

2. Quyền của tài khoản sử dụng bao gồm:

a) Quyền của tài khoản lãnh đạo đơn vị: Tài khoản phê duyệt báo cáo là tài khoản đăng nhập vào Hệ thống thông tin báo cáo được gán quyền, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát phê duyệt các báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý, gồm các quyền: Duyệt số liệu; Duyệt báo cáo của đơn vị; Theo dõi tình hình làm báo cáo của đơn vị; Xem biểu đồ các chỉ tiêu của đơn vị.

b) Quyền của tài khoản người nhập liệu là tài khoản đăng nhập vào Hệ thống thông tin báo cáo được gán quyền, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ cập nhật thông tin các báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định, gồm các quyền: Tạo báo cáo đơn vị, nhập số liệu đối với những biểu mẫu mình được giao. Duyệt số liệu đối với những biểu mẫu mình phụ trách (nếu được ủy quyền); Xem biểu đồ Dashboard các chỉ tiêu của phòng, ban phụ trách.

Chương III

CẬP NHẬT THÔNG TIN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 11. Thiết lập, cập nhật các hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo

1. Thiết lập hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

a) Hệ thống thông tin báo cáo được thiết lập sẵn hệ thống các danh mục báo cáo, mẫu đề cương và các biểu mẫu số liệu báo cáo theo các quyết định công bố danh mục các chế độ báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, tổ chức cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên Hệ thống thông tin báo cáo khi có thay đổi, sửa đổi, bổ sung.

2. Điều chỉnh, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề ban hành, kịp thời cập nhật, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu chế độ báo cáo định kỳ tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

b) Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo định kỳ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nêu tại điểm a khoản 2 Điều này, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thiết lập, cập nhật điều chỉnh nội dung và hướng dẫn lại cho các cơ quan, đơn vị, địa phương khai thác, thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo.

3. Thiết lập, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã:

Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào nhu cầu và nhiệm vụ của mình, thông qua chức năng, tiện ích hỗ trợ thiết kế báo cáo sẵn có của Hệ thống thông tin báo cáo để tổ chức thiết lập và triển khai các chế độ, biểu mẫu báo cáo chuyên đề phục vụ cho quản lý, điều hành của chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước cấp dưới.

4. Thiết lập, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, đề cương báo cáo phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành của cơ quan, đơn vị:

a) Trường hợp cơ quan, đơn vị chưa triển khai hệ thống thông tin báo cáo nếu có nhu cầu ứng dụng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Đắk Lắk, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép ứng dụng Hệ thống thông tin báo cáo để hỗ trợ công tác quản lý nhà nước; kinh phí thiết lập hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo chuyên ngành do cơ quan, đơn vị, địa phương chi trả.

b) Trường hợp các cơ quan chuyên ngành đã có Hệ thống thông tin báo cáo ngành dọc, có nhu cầu kết nối đến Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép kết nối, đồng thời làm đầu mối, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kết nối, liên thông giữa Hệ thống thông tin báo cáo ngành dọc và Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Đắk Lắk,

bảo đảm chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước tại địa phương.

Điều 12. Thu thập và tổng hợp, ký duyệt dữ liệu

1. Việc thu thập và tổng hợp dữ liệu được thực hiện tại tất cả các cơ quan, đơn vị tham gia triển khai hệ thống, có nhiệm vụ tạo nguồn dữ liệu để Hệ thống thông tin báo cáo hoạt động có hiệu quả.

2. Nguồn số liệu cung cấp cho Hệ thống thông tin báo cáo chủ yếu từ các báo cáo của cơ quan cấp dưới và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

3. Chuyên viên các phòng, ban chuyên môn tiến hành thu thập và tổng hợp số liệu liên quan đến lĩnh vực và các chỉ tiêu phòng, ban phụ trách.

4. Số liệu tổng hợp được các phòng, ban chuyên môn chuyển đến lãnh đạo đơn vị để ký duyệt.

a) Trường hợp lãnh đạo đơn vị không duyệt các số liệu tổng hợp thì cho ý kiến ghi rõ lý do không duyệt, số liệu tổng hợp sẽ được chuyển lại phòng, ban chuyên môn để chỉnh sửa theo yêu cầu của lãnh đạo và tiếp tục trình lại.

b) Trường hợp lãnh đạo đơn vị đồng ý duyệt thì các số liệu tổng hợp này sẽ được lưu vào Kho cơ sở dữ liệu tổng hợp của đơn vị phục vụ công tác làm báo cáo, thống kê.

Điều 13. Các hình thức báo cáo

Việc thiết lập và cập nhật báo cáo được quy định tại Điều 11 của Quy chế này có 2 phần sau:

1. Phần báo cáo thể hiện các chỉ tiêu dưới dạng bảng biểu:

a) Tùy từng loại báo cáo, các đơn vị tạo lập biểu mẫu báo cáo theo các chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cụ thể cho từng đơn vị thông qua Hệ thống thông tin báo cáo hoặc phát sinh từ nhu cầu thực tế của đơn vị.

b) Nội dung, phương pháp tính toán các chỉ tiêu báo cáo thiết lập trong Hệ thống thông tin báo cáo.

2. Phần báo cáo thuyết minh có bao gồm nhận xét, đánh giá, đề xuất, kiến nghị dưới dạng văn bản được đính kèm trên hệ thống.

Điều 14. Thời hạn gửi báo cáo

1. Các chế độ báo cáo: Định kỳ, chuyên đề thực hiện theo quy định tại Điều 7 Chương II Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trường hợp thời hạn báo cáo trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

3. Báo cáo đột xuất: Thực hiện theo yêu cầu của đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tổng hợp báo cáo.

4. Trường hợp vì lý do khác đơn vị chủ trì báo cáo mở, đóng hệ thống nhận báo cáo trong thời gian khác quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này thì phải thông báo đến các đơn vị thực hiện báo cáo. Thời gian cập nhật thông tin và nộp báo cáo được hệ thống ghi nhận, tổng hợp.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THAM GIA HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 15. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; tham mưu giải pháp bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, công nghệ cho Hệ thống thông tin báo cáo hoạt động hiệu quả; đồng thời, định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo (lồng ghép vào Báo cáo Kiểm soát thủ tục hành chính).

2. Thường xuyên tổng hợp khó khăn, vướng mắc; tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Quy chế để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Tổ chức quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống thông tin báo cáo tại các cơ quan hành chính nhà nước; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và an toàn an ninh thông tin cho hệ thống hoạt động ổn định; tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có nhu cầu khai thác Hệ thống thông tin báo cáo.

Điều 16. Các cơ quan chủ trì tham mưu, tổng hợp báo cáo

Thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ cập nhật thông tin và báo cáo do đơn vị mình chủ trì tham mưu, tổng hợp theo Quyết định công bố danh mục chế độ báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Cung cấp số liệu và cập nhật thông tin của ngành, lĩnh vực mình phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời trên Hệ thống thông tin báo cáo. Chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng dữ liệu, số liệu liên quan đến các báo cáo do ngành, lĩnh vực mình phụ trách để phục vụ cho việc tổng hợp số liệu báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo.

2. Thường xuyên rà soát, đối chiếu, bổ sung thông tin trên Hệ thống thông tin báo cáo và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan.

3. Tổ chức quán triệt, thực hiện đầy đủ các quy định tại Quy chế này; định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (lồng ghép vào Báo cáo Kiểm soát thủ tục hành chính).

Điều 18. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Theo dõi, hướng dẫn Văn phòng UBND tỉnh trong tổ chức quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin báo cáo.

2. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp giám sát, bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin báo cáo.

3. Bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời chứng thư số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức (nếu có) trong các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước phục vụ thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo.

4. Ngăn chặn các tấn công từ bên ngoài, bảo mật hệ thống thông tin, bảo mật tài khoản truy nhập, thông tin dữ liệu của người sử dụng.

Điều 19. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện thu thập, tổng hợp và cập nhật thông tin dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn Văn phòng Chính phủ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thường xuyên rà soát, cung cấp các chỉ tiêu báo cáo thay đổi so với Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật lên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

3. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia nhập số liệu các chỉ tiêu kinh tế xã hội được phân công tại Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh. Đồng thời, rà soát tính chính xác các số liệu cập nhật lên Hệ thống báo cáo tỉnh theo các chỉ tiêu kinh tế xã hội đã giao cho các ngành tại Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND.

Điều 20. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC)

1. Giám sát, phối hợp điều hành Hệ thống thông tin báo cáo, đảm bảo tính chính xác đối với thông tin kết quả đầu ra. Định kỳ hàng tháng, hàng quý tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình cập nhật thông tin báo cáo của các cơ quan, đơn vị trên Hệ thống thông tin báo cáo.

2. Đôn đốc, giám sát các cơ quan, đơn vị trong quá trình vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo.

3. Thu thập và xử lý thông tin, phục vụ công tác phân tích, xử lý dữ liệu, hiển thị trực quan về Hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các ý kiến kịp thời phản ánh đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.